



SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH




**CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:229/QĐ-CĐSP ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐSP Bắc Ninh)



Bắc Ninh, tháng 7 năm 2020



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo giáo viên mầm non, trình độ cao đẳng
tuyển sinh năm 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ/TTg ngày 24/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường CĐSP Bắc Ninh;

Căn cứ Thông tư số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 27/2/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đề án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ đối với trường CĐSP Bắc Ninh;

Căn cứ Công văn số 2435/BGDĐT-GDDH ngày 12/4/2013 của Bộ GD&ĐT về việc rà soát chuẩn đầu ra;

Căn cứ Điều lệ trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ biên bản của Hội đồng nghiệm thu chuẩn đầu ra ngành đào tạo giáo viên mầm non, trình độ cao đẳng, tuyển sinh năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra ngành đào tạo giáo viên mầm non, trình độ cao đẳng, tuyển sinh năm 2020.

Điều 2. Chuẩn đầu ra này được áp dụng cho ngành đào tạo giáo viên mầm non, trình độ cao đẳng từ năm học 2020 - 2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, trưởng các đơn vị chuyên môn có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD-ĐT (b/c);
- Sở GD-ĐT BN (b/c);
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT.



Nguyễn Hữu Tuyên

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC MẦM NON

1. Tên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (**Early Childhood Education**)
Mã ngành: 51140201

2. Trình độ đào tạo: *Cao đẳng*

3. Yêu cầu về kiến thức:

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

- Sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của đảng Cộng Sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của pháp luật nhà nước XHCN Việt Nam; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non; Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; Quy định về đạo đức nhà giáo; Các quy chế chuyên môn của trường, lớp mầm non.

- Sinh viên có các kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn; Kiến thức về giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống một số tệ nạn xã hội.

- Có kiến thức và năng lực sử dụng tiếng Anh ở trình độ Pre-intermediate A2 (tương đương bậc 2 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) về các bình diện ngôn ngữ (từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp) và kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có kiến thức cơ bản đáp ứng yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (gồm 06 mô đun: Hiểu biết về CNTT cơ bản, Sử dụng máy tính cơ bản, Xử lý văn bản cơ bản, Sử dụng bảng tính cơ bản, Sử dụng trình chiếu cơ bản, Sử dụng Internet cơ bản) theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Nắm được kiến thức giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tự tập luyện nâng cao sức khỏe, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh điều lệnh đội ngũ từng người có sung biết đội ngũ đơn vị, có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hóa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kĩ năng cơ bản về kĩ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng sung tiểu liên AK, lựu đạn.

3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

3.2.1 Kiến thức cơ sở

- Hiểu được đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mầm non
- Nắm được đặc điểm phát triển thể chất của trẻ mầm non.
- Xác định mục tiêu giáo dục tổng thể trong giáo dục mầm non, và mục tiêu cụ thể trong quá trình chăm sóc, giáo dục từng độ tuổi trẻ mầm non.
- Vận dụng được nguyên tắc, quan điểm giáo dục phát triển toàn diện vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non
- Có khả năng lựa chọn nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho từng độ tuổi phù hợp với khả năng phát triển của trẻ.
- Biết lựa chọn và sử dụng hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục ở mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm phù hợp với sự phát triển của trẻ và bối cảnh của địa phương.
- Có khả năng xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non. Có năng lực nghiên cứu khoa học để có thể triển khai nghiên cứu một vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.
- Có năng lực thực hiện nội dung giáo dục hòa nhập ở trường mầm non
- Có khả năng phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường cùng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Có hiểu biết về công tác tổ chức, quản lý trong ngành giáo dục, trong trường, lớp mầm non.

- Nắm được kiến thức cơ bản về văn học, tiếng việt, âm nhạc và mỹ thuật.

- Có kiến thức khái quát về văn hóa, xã hội.

3.2.2 Kiến thức chuyên ngành

a. Kiến thức về chăm sóc sức khoẻ trẻ mầm non:

- Có kiến thức về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ. Nắm được mục tiêu, nội dung, phương pháp tiến hành vệ sinh trường, lớp mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ.

- Nắm được kiến thức về cách phòng chống và xử lý ban đầu các bệnh về dinh dưỡng và một số bệnh thường gặp; Có hiểu biết về an toàn, phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp, đảm bảo an toàn cho trẻ.

b. Kiến thức về giáo dục trẻ mầm non:

- Nắm vững nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá và điều kiện thực hiện các hoạt động giáo dục: hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ, hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo, cho trẻ làm quen với văn học, làm quen với toán, khám phá khoa học về môi trường xung quanh, giáo dục thể chất, tổ chức hoạt động tạo hình, tổ chức hoạt động âm nhạc, phát triển ngôn ngữ, giáo dục bảo vệ môi trường... ở các độ tuổi từ nhà trẻ đến mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi theo chương trình đổi mới.

- Có khả năng xác định mục tiêu, lựa chọn các nội dung, phương pháp phù hợp với chương trình giáo dục mầm non mới, điều kiện thực tiễn, nhu cầu hứng thú của trẻ.

- Có khả năng soạn bài, tổ chức thành thạo và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

- Biết vận dụng các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn.

- Có khả năng lựa chọn và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ mầm non.

4. Yêu cầu về kỹ năng :

4.1. Kỹ năng cứng

4.1.1 Kỹ năng nghề nghiệp

a. *Kỹ năng xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ*

Có kỹ năng xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học, theo chủ đề, theo tuần, theo ngày thể hiện được mục tiêu và nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với nhu cầu phát triển của từng đối tượng trẻ; có năng lực xây dựng kế hoạch phối hợp với cha mẹ trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ.

b. Kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non:

Có kỹ năng thực hiện được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ: tổ chức ăn, tổ chức ngủ, vệ sinh cho trẻ đảm bảo vệ sinh, an toàn; có kỹ năng theo dõi, đánh giá sự phát triển cân nặng chiều cao của trẻ theo lứa tuổi; có kỹ năng phòng tránh, phát hiện và xử lý kịp thời các bệnh thường gặp và một số tai nạn thông thường; có kỹ năng tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ các độ tuổi từ đón trẻ, hoạt động ngoài trời, chơi tự do, vệ sinh, ăn trưa, ngủ trưa, ăn bữa phụ chiều đến hoạt động chiều, trả trẻ; có kỹ năng hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ, thói quen vệ sinh văn minh; có kỹ năng chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông.

c. Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ :

Sinh viên có kỹ năng thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ em; tổ chức hoạt động ngoài trời ; hoạt động học có chủ đích; hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ, hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ; có kỹ năng tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với điều kiện của các nhóm lớp khác nhau; có kỹ năng trang trí, sắp xếp lớp học, làm và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi.

d. Kỹ năng quản lý lớp học:

Có kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý cơ sở vật chất và quản lý sổ sách của nhóm, lớp theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lớp.

e. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng:

Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm;

Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp một cách chân tình, cởi mở, thẳng thắn;

Có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm xảy ra trong trường, lớp mầm non;

Có kỹ năng phối hợp với phụ huynh và cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; tuyên truyền, giao tiếp với phụ huynh, tạo niềm tin cho phụ huynh khi gửi trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non;

f. Kỹ năng tiếp cận, khai thác và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ:

Có kỹ năng khai thác và sử dụng một số phần mềm công nghệ thông tin vào trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp;

j. Kỹ năng quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ em

Có kỹ năng quan sát và đánh giá trẻ em, từ đó kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp;

4.1.2 Kỹ năng nghiên cứu

- Có kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề và tình huống trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ, phát hiện sớm các biểu hiện bất thường ở trẻ (trẻ có biểu hiện tự kỉ, tăng động, chậm ngôn ngữ, hung tính...) từ đó đưa ra các phương pháp, biện pháp chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp;

- Có kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu về chất lượng của sự nghiệp giáo dục cũng như đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.

4.1.3 Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn

- Vận dụng được các kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản của chương trình giáo dục mầm non, các phương pháp, hình thức chăm sóc – giáo dục trẻ mới vào quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ tại trường mầm non.

- Vận dụng các kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học phục vụ cho công tác chăm sóc – giáo dục, kiểm tra đánh giá, quản lý lớp và giao tiếp với phụ huynh... theo đúng quy định của ngành.

- Nắm được yêu cầu, nguyên tắc để khai thác, sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học.

4.2. Kỹ năng mềm

4.2.1. Kỹ năng cá nhân:

- Có kỹ năng khai thác và ứng dụng một số phần mềm công nghệ thông tin vào trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Có khả năng tiếp cận chương trình chăm sóc giáo dục mới, đánh giá điều kiện thực tiễn và ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy; cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

- Có khả năng vận dụng các kiến thức tạo hình, âm nhạc, múa, văn học nghệ thuật vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với trẻ em trong trường mầm non.

- Giải quyết có hiệu quả các tình huống xảy ra với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh.

4.2.2. Kỹ năng làm việc theo nhóm

Biết cách làm việc theo nhóm trong các vai trò khác nhau, biết phối hợp với các thành viên để huy động, tập hợp sức mạnh trí tuệ của tập thể. Sử dụng thành thạo các công cụ làm việc từ xa theo nhóm.

4.2.3 Kỹ năng quản lí

- Có năng lực thu thập, phân tích và xử lý các vấn đề của khoa học giáo dục mầm non và khoa học giáo dục do thực tiễn đặt ra.

- Hình thành, bồi dưỡng kỹ năng giải quyết vấn đề về thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non và các vấn đề nảy sinh trong quá trình làm việc.

- Biết xây dựng và thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc – giáo dục, quản lý lớp học, xây dựng được các biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích, phát triển và giáo dục trẻ, phối hợp làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục tại trường và tại gia đình, địa phương;

4.2.4 Kỹ năng giao tiếp xã hội

Sinh viên có được những kỹ năng cơ bản trong việc báo cáo, thuyết trình chuyên môn; giao tiếp và xử lý các tình huống giao tiếp hiệu quả với mọi đối tượng trong môi trường sống, làm việc, đặc biệt là môi trường nhà trường; khéo léo, thông minh trong ứng xử, linh hoạt, mềm dẻo trong đàm phán, chuẩn mực trong phát ngôn.

4.2.5 Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin

- Sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản trong chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp;

- Xây dựng được một số bài giảng điện tử; sử dụng được các thiết bị công nghệ đơn giản phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em;

- Chia sẻ, hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp.

5. Yêu cầu về thái độ:

5.1 Phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, chan hòa cùng bạn bè, đồng nghiệp, quần chúng;

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

5.2 Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có suy nghĩ tích cực và trách nhiệm với nghề nghiệp đã lựa chọn nhằm duy trì được việc làm, phát triển thế hệ trẻ tương lai của đất nước;

- Tuân thủ nội quy, quy định của nhà trường, địa phương;

- Sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao khi làm việc dài ngày ở những vùng có điều kiện khó khăn (vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo...);

- Hợp tác tốt với đồng nghiệp, trung thực, khách quan trong phê bình, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp;

- Có ý thức tìm hiểu tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương nơi trường đóng;

- Yêu nghề và có ý thức trách nhiệm xã hội, có ý thức giữ gìn đạo đức, tác phong người giáo viên, quý mến và tôn trọng nhân cách trẻ.

5.3 Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

- Thường xuyên cập nhật các thông tin đổi mới nội dung, chương trình giáo dục, đào tạo để điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức chăm sóc

- giáo dục trẻ em cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Thường xuyên tìm tòi, học tập nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm; sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục và quản lý nhóm, lớp.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non đảm nhiệm các công việc sau:

- Giáo viên đứng lớp, giáo viên chủ nhiệm lớp ở các cơ sở giáo dục mầm non.

- Làm cán bộ, chuyên viên quản lý chuyên môn giáo dục mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non.

- Làm việc ở các cơ quan, đơn vị có sử dụng đến kiến thức giáo dục mầm non.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới.

- Tiếp tục học liên thông trình độ đại học ngành giáo dục mầm non.

- Có khả năng học tập, đảm bảo kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ để học lên bậc đại học, sau đại học thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước.

- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu giáo dục mầm non và khoa học giáo dục ở các cấp khác nhau.

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đầu ra mà nhà trường tham khảo :

[1] Qui định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng (Ban hành kèm theo Quyết định số: 66/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 và Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi Quyết định số 66)

[2] Văn bản số: 2196/BGDĐT-GDDH ban hành ngày 22 tháng 04 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học.

[3] Kết quả phân tích mức độ về Kiến thức - Thái độ - Kỹ năng của Bloom, Harrow, Simpson và Krathwohl (Trích tài liệu Tư vấn thực hành xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển chương trình giáo dục đại học trong các trường đại học và cao đẳng, Hà Nội, năm 2010).

[4] Chương trình Giáo dục mầm non (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non) (Ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT – BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) – NXBGDVN, 2017

[5] Quyết định ban hành Điều lệ trường mầm non - Ban hành kèm theo VB Số: 05/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo – 2014

[6] Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục – Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

[7] Khung chương trình đào tạo và Chương trình chi tiết đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng - Trường CĐSP Bắc Ninh – 2016.

[8] Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục – Đào tạo về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

[9] Thông tư 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

[10] Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

[11] Nghị quyết về việc thẩm định đánh giá chất lượng giáo dục Trường CĐSP Bắc Ninh (Số 04/NQ – HĐKĐCLGD ngày 08/01/2020 của Trung tâm Kiểm định chất lượng Giáo dục – Hiệp hội các trường ĐHCĐ Việt Nam);

[12] Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường Trung cấp sư phạm, Cao đẳng sư phạm và Cơ sở giáo dục đại học.

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tuyên